

Bản án số: 73/ 2017/HSST
Ngày 07 tháng 11 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thiện Thành
Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Duy Quyết
Ông Đinh Công Hiến

Th- ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Diệu - Kiểm sát viên

Trong ngày 07/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 66/2017/HSST ngày 01/10/2017, theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 73/2017/HSST-QĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn T, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 07/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; và có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn B, sinh năm 1991; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Trần Thị A; vợ con, chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Văn S, sinh năm 1960; tại xã T, huyện H, tỉnh T; trú tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 07/10; con ông Trần Văn T và bà Trần Thị K (đều đã chết); vợ Trần Thị H, sinh năm 1959; và có 03 con, lớn sinh năm 1980, nhỏ sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Đức T1, sinh năm 1989; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn M 3, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T; vợ Trần Thị Hương G, sinh năm 1991; và có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Nguyên đơn dân sự:**

Công ty TNHH tập đoàn Hoàng Phát VISSAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Gián Khẩu, huyện G tỉnh N

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1965.

Chức vụ: Phó ban TT ban an ninh nội bộ.

Trú tại: Số nhà 186 - Trần Phú, phố T, ph-ông N, thành phố N, tỉnh N; (Vắng mặt tại phiên tòa).

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố về hành vi phạm tội nh- sau: Nguyễn Văn T (*công việc là thuyền trưởng*), Trần Văn B (*là thuyền phó*), Trần Văn S (*là thủy thủ*) và Nguyễn Đức T1 (*là thủy thủ*) (*tất cả đều là công nhân hợp đồng lao động với nhà máy xi măng The Vissai, khu công nghiệp Gián Khẩu, huyện G*) được giao điều khiển, quản lý tàu thủy mang số hiệu NB- 6132. Ngày 29/5/2017, nhà máy xi măng The Vissai giao nhiệm vụ cụ thể cho T, B, S, T1 quản lý và điều khiển tàu vỏ sắt NB- 6132 chở 950 tấn than Antraxit hàng rời từ Cảng H, thành phố C, tỉnh Q về Cảng Thiệu Vissai, xã G, huyện G để nhập cho nhà máy xi măng The Vissai. Khoảng 22 giờ ngày 01/6/2017, khi tàu NB- 6132 vận chuyển than trên đường về Cảng Vissai, đến khu vực sông Luộc giáp danh với..., tỉnh T thì có 01 chiếc thuyền sắt, kích thước khoảng (09x03x02)m, do 02 vợ chồng (*không rõ lai lịch*) điều khiển áp sát vào tàu NB- 6132, người đàn ông trên thuyền sắt nói với T "*Trên tàu chở gì vậy*", T nói "*chở than*", người đàn ông nói với T "*Có bán than không*". Lúc này T nảy sinh ý định chiếm đoạt than trên tàu NB - 6132 để bán lấy tiền chi tiêu, nên T gọi B, S và T1 (*đang ngủ ở khoang tàu*) vào buồng lái nói "*anh em bán tí than lấy tiền ăn*"; B, S, T1 đồng ý. T nói với người đàn ông "*Mua giá bao nhiêu*", người đàn ông nói "*ba trăm nghìn một tấn*"; T, B, S, T1 đồng ý. Sau đó, T điều khiển cho tàu vỏ sắt NB- 6132 đi chậm lại để B, S, T1 buộc dây thuyền của hai vợ chồng người vào lan can tàu NB- 6132, đồng thời dồn các tấm tôn che khoang chứa than lại với nhau. Hai vợ chồng người lái thuyền mang theo thúng, xẻng sang tàu NB- 6132 cùng B, T1 và S xúc than từ tàu sắt chuyển sang thuyền của hai vợ chồng người mua than. Đến khoảng 01 giờ ngày 02/6/2017 thì xúc than đầy thuyền của hai vợ chồng; B, T1, S đóng mui khoang chứa than lại. T dùng thước dây đo kích thước khoang thuyền của hai vợ chồng người mua than ước tính khoảng 30 tấn than, người đàn ông trả cho T 9.000.000 đồng, rồi điều

hiển thuyền đi. T tiếp tục điều khiển tàu NB- 6132 về Cảng Thiệu Vissai. Quá trình về Cảng, T đã đưa cho T1 số tiền 4.000.000 đồng để mua thức ăn, còn lại 5.000.000 đồng T giữ khi nào về Cảng sẽ chia đều cho B, S và T1. Sáng ngày 02/6/2017, thì tàu NB- 6132 về đến Cảng Thiệu Vissai neo đậu và chờ nhập than vào nhà máy. Đến ngày 05/6/2017, phòng vật tư, nguyên liệu của nhà máy xi măng The Vissai kiểm tra than trên tàu NB - 6132 để nhập than vào nhà máy thì phát hiện số lượng than trên tàu bị mất. Ông Đỗ Mạnh C, sinh năm 1965, trú tại số 186, T, Phường N, thành phố N (*là trưởng ban an ninh của nhà máy xi măng The Vissai*), là người đại diện hợp pháp của nhà máy, đã làm đơn trình báo gửi Công an huyện G tố cáo hành vi chiếm đoạt của T, B, S và T1.

Ngày 07/6/2017, phòng vật tư nguyên liệu của nhà máy xi măng The Vissai cân xác định trọng lượng số than còn lại trên tàu NB- 6132 là 922 tấn. Như vậy, số lượng than Antraxit T, B, S và T1 chiếm đoạt là 28 tấn.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 21/KLĐG-HĐ ngày 18/6/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G xác định 28 tấn than Antraxit hàng rời có giá trị là 43.292.000 đồng.

Quá trình điều tra vụ án, **Nguyễn Văn T, Trần Văn B, Trần Văn S, Nguyễn Đức T1** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm.

Tại bản cáo trạng số 67/CT-VKS, ngày 01/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố **Nguyễn Văn T, Trần Văn B, Trần Văn S và Nguyễn Đức T1** ra tr-ớc Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”, theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên Toà vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố nh- bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn T, Trần Văn B, Trần Văn S và Nguyễn Đức T1** phạm tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** từ 24 tháng đến 30 tháng tù, cho h-ởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn B, Trần Văn S và Nguyễn Đức T1** mỗi bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù, cho h-ởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Nguyễn Văn T** cho Uỷ ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N; **Trần Văn B** cho Uỷ ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N; **Trần Văn S** cho Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh T; **Nguyễn Đức T1** cho Uỷ ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 140 Bộ luật Hình sự phạt tiền đối với bị cáo **Nguyễn Văn T; Trần Văn B; Trần Văn S; Nguyễn Đức T1** mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã đ-ợc thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý

kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo và lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các bị cáo **Nguyễn Văn T, Trần Văn B, Trần Văn S và Nguyễn Đức T1** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố. Các bị cáo khai Nguyễn Văn T, Trần Văn B, Trần Văn S và Nguyễn Đức T1 (*tất cả đều là công nhân hợp đồng lao động tại nhà máy xi măng The Vissai Ninh Bình, khu công nghiệp G, huyện G*) thuộc Công ty TNHH tập đoàn Hoàng Phát VISSAI. Ngày 29/5/2017, nhà máy xi măng The Vissai N giao nhiệm vụ cụ thể cho T, B, S, T1 quản lý và điều khiển tàu vỏ sắt NB- 6132 chở 950 tấn than Antraxit hàng rời từ Cảng H, thành phố C, tỉnh Q về Cảng T Vissai, xã G, huyện G để nhập cho nhà máy xi măng The Vissai N. Trong quá trình điều khiển tàu, khoảng 22 giờ ngày 01/6/2017, tại khu vực sông Luộc thuộc địa phận tỉnh T thì T, B, S và T1 đã bán khoảng 28 tấn than cho hai người đàn ông và đàn bà (*không rõ lai lịch*) đi trên 01 chiếc thuyền sắt, kích thước khoảng (09x03x02)m với giá 9.000.000 đồng. Đến ngày 05/6/2017, phòng vật tư, nguyên liệu của nhà máy xi măng The Vissai Ninh Bình kiểm tra than trên tàu NB - 6132 để nhập than vào nhà máy thì phát hiện số lượng than trên tàu bị mất.

Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, nguyên đơn dân sự, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã đủ cơ sở kết luận; Nguyễn Văn T, Trần Văn B, Trần Văn S và Nguyễn Đức T1 là công nhân hợp đồng của nhà máy xi măng The Vissai Ninh Bình, được nhà máy giao nhiệm vụ về quản lý tàu NB-6132 và vận chuyển than Antraxit đi từ Cảng H, Q về Cảng T The Vissai, xã G; Lợi dụng sự tin tưởng của nhà máy xi măng The Vissai Ninh Bình, T, B, S và T1 đã chiếm đoạt 28 tấn than Antraxit trị giá 43.292.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Văn T, Trần Văn B, Trần Văn S và Nguyễn Đức T1, đã phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" - quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn B, Trần Văn S và Nguyễn Đức T1 ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội danh và điều luật nêu đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ, đã gây tâm lý bất bình cho nguyên đơn dân sự và quần chúng nhân dân trên địa bàn. Căn cứ vào tính chất tội phạm, hậu quả do hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn, thì hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, cải tạo các bị cáo và dăn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, để cá thể hoá về hình phạt cần phải xác định vai trò, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm của từng bị cáo.

Đối với Nguyễn Văn T là thuyền trưởng tàu NB-6132, có trách nhiệm quản lý, trông coi hàng hóa trên tàu trong quá trình vận chuyển, nhưng T lại khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác chiếm đoạt 28 tấn than của nhà máy xi măng The Vissai Ninh Bình. Vì vậy Nguyễn Văn T xếp vai trò đầu trong vụ vụ án.

Đối với Trần Văn B, Trần Văn S và Nguyễn Văn T1 là những người thành viên trên tàu NB-6132, khi Nguyễn Văn T rủ chiếm đoạt than thì B, S và T1 không can ngăn mà còn tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, B, S và T1 giữ vai trò sau cùng trong vụ án.

Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt cụ thể Hội đồng xét xử cũng cần xem xét đến trong quá trình điều tra và tại phiên Tòa; các bị cáo đều tự nguyện bồi thường thiệt hại đã gây ra cho nguyên đơn dân sự; thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc tr- ờng hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết đ- ợc quy định tại điểm b, p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, cần đ- ợc áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức độ tham gia vào thực hiện tội phạm, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa ph- ơng, nơi các bị cáo th- ờng trú và gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để các bị cáo học tập, cải tạo trở thành ng- ời có ích cho xã hội. Đồng thời vẫn đảm bảo đ- ợc tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung:

Phạt bổ sung thêm đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Bộ luật Hình sự

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc phạm tội xảy ra, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường theo thỏa thuận cho Công ty TNHH tập đoàn Hoàng Phát VISSAI, tổng số tiền 43.292.000 đồng Trong đó (*Nguyễn Văn T bồi thường 16.292.000 đồng; Trần Văn B bồi thường 9.000.000 đồng; Trần Văn S bồi thường 9.000.000 đồng; Nguyễn Đức T1 bồi thường 9.000.000 đồng*). Ông Đỗ Văn C, là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH tập đoàn Hoàng Phát VISSAI đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự. Vì vậy, vấn đề trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 28 tấn than Antraxit mà T, B, S, T1 chiếm đoạt, bán cho 2 người lái thuyền (*không rõ lai lịch*) tại ngã ba cửa Luộc, thuộc Sông Luộc, tỉnh T. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G không có căn cứ để làm rõ, truy thu các tài sản trên.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo luật định.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, những ng- ời tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Các bị cáo **Nguyễn Văn T, Trần Văn B, Trần Văn S và Nguyễn Đức T1** phạm tội "**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**".

□p dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 24 (hai mươi bốn) tháng tù; nhưng cho h- ởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án ngày 07/11/2017.

- Xử phạt bị cáo **Trần Văn B** 18 (mười tám) tháng tù; nhưng cho h- ởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án ngày 07/11/2017.

- Xử phạt bị cáo **Trần Văn S** 18 (mười tám) tháng tù; nhưng cho h- ởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án ngày 07/11/2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức T1** 18 (mười tám) tháng tù; nhưng cho h- ởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án ngày 07/11/2017.

Giao bị cáo **Nguyễn Văn T** cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N; **Trần Văn B** cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N; **Trần Văn S** cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh T; **Nguyễn Đức T1** cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N là nơi các bị cáo th- ởng trú và gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong tr- ởng hợp ng- ời đ- ọc h- ởng án treo thay đổi nơi c- trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung:

□p dụng khoản 5 Điều 140 Bộ luật Hình sự phạt tiền đối với bị cáo.

+ **Nguyễn Văn T** 10.000.000 (mười triệu) đồng.

+ **Trần Văn B** 10.000.000 (mười triệu) đồng.

+ **Trần Văn S** 10.000.000 (mười triệu) đồng.

+ **Nguyễn Đức T1** 10.000.000 (mười triệu) đồng.

□p dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự về việc phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành:

Trong tr- ởng hợp bên có nghĩa vụ trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

"Tr- ởng hợp bản án, quyết định đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ởng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự"

2. Về án phí:

□p dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

□n xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ọc bản án hoặc bản án đ- ọc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
 - Công an huyện G;
 - T.H.A.DS huyện G;
 - VKSND huyện G;
 - Bị cáo; nguyên đơn dân sự;
 - L- u hồ sơ, văn phòng;
- (Thông báo cho chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú).

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hà Thiện Thành